

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04-01-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Na Rinh
2. Ông Trương Văn Mên

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phương Thị Mỹ T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn K, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phương Thị Mỹ T trình bày: Chị và anh Trương Văn K xác lập hôn nhân năm 2015, cùng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C vào ngày 27/4/2016, trước khi kết hôn chị và anh K quen biết, tìm hiểu được một thời gian tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống bên gia đình chồng tại ấp R, xã T, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K không có ý chí làm ăn lo cho gia đình, mà chỉ lo ăn chơi, tham gia tệ nạn xã hội, đến khi sinh con chị vừa chăm sóc nuôi dưỡng, vừa đi làm để có thu nhập sinh hoạt trong cuộc sống, vợ chồng sống chung nhưng bất đồng quan điểm

về sinh hoạt trong gia đình, không ai quan tâm đến nhau, đến tháng 10/2020 thì không còn sống chung, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh K. Về nuôi con tên Trương Phương Đăng K, sinh ngày 08/10/2017, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2020 cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Văn K trình bày: Về hôn nhân, quá trình xác lập hôn nhân và đăng ký kết hôn chị T trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống với chị T, anh có tham gia tệ nạn xã hội gây nợ nần vài lần, rồi tự đi làm trả nợ, chị T khuyên can nhưng anh không có tranh cãi gì lớn, trong thời gian anh đi làm trả nợ ít quan tâm chăm sóc vợ con, chị T không đồng ý với lối sống của anh nên xảy ra bất đồng quan điểm sống, sự việc xảy ra anh chị và cha mẹ có hòa giải, nhưng chị T không bỏ qua, đến khoảng tháng 10/2020 anh chị không còn sống chung, chị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh không đồng ý, trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu xử theo quy định pháp luật, về nuôi con tên Trương Phương Đăng K, sinh ngày 08/10/2017 anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn, về cấp dưỡng, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, anh không tranh chấp, không khởi kiện, ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- Chị T và anh K có đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2016, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Chị T và anh K chung sống có 01 người con tên Trương Phương Đăng K, sinh ngày 08/10/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị T và anh K đều không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị T và anh K thừa nhận trong thời gian chung sống anh K tham gia tệ nạn xã hội gây thiếu nợ và đi làm trả nợ nên ít quan tâm chăm sóc vợ con, do đó xảy ra mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, khoảng tháng 10 năm 2020 đến nay, anh chị không còn sống chung, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, chấm dứt mọi liên lạc, không gặp nhau để trao đổi hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Các bên đương sự không thống nhất với nhau về hôn nhân và về quyền nuôi con:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu xử cho chị được ly hôn với anh K, vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh K thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên không đồng ý ly hôn, trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì yêu cầu Tòa án xử theo quy định pháp luật.

- Về quyền nuôi con: Chị T và anh K đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Trương Phương Đăng K, sinh ngày 08/10/2017.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật, thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành

phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh K, giao con chung là Trương Phương Đăng K, sinh ngày 08/10/2017 cho chị T được quyền nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết, về án phí buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trương Văn K đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị Phương Thị Mỹ T khởi kiện anh Trương Văn K yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh K và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị Phương Thị Mỹ T và anh Trương Văn K xác lập hôn nhân năm 2015, anh chị cùng đi đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị T khai từ khi về sống chung anh K không có ý chí để làm ăn lo cho gia đình, mà chỉ lo ăn chơi, tham gia tệ nạn xã hội, đến lúc sinh con xong chị vừa chăm sóc nuôi dưỡng, vừa đi làm để có thu nhập sinh hoạt trong cuộc sống, vợ chồng sống chung nhưng bất đồng quan điểm về sinh hoạt trong gia đình, anh K không quan tâm chăm sóc vợ con, đến tháng 10/2020 mâu thuẫn gay gắt và không còn sống chung với nhau, từ đó tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh K. Anh K khai trong thời gian chung sống với chị T, anh có tham gia tệ nạn xã hội gây nợ nần vài lần, rồi tự đi làm trả nợ, chị T khuyên can nhưng anh không có tranh cãi gì lớn, trong thời gian anh đi làm trả nợ ít quan tâm chăm sóc vợ con, chị T không đồng ý với lối sống của anh nên xảy ra bất đồng quan điểm sống, sự việc xảy ra anh chị và cha mẹ có hòa giải, nhưng chị T không bỏ qua, đến khoảng tháng

10/2020 anh chị không còn sống chung, chị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh không đồng ý, trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu xử theo quy định pháp luật.

Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Quá trình chung sống giữa chị T và anh K mâu thuẫn với nhau về lối sống, ứng xử giao tiếp, anh chị không thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cả hai người đều bỏ mặt, không quan tâm đến đời sống vợ chồng, không còn chăm sóc lẫn nhau, anh chị thừa nhận không còn sống chung gần 03 tháng, không có trao đổi tìm ra giải pháp đoàn tụ với nhau.

Tại phiên hòa giải anh K xin đoàn tụ, Tòa án hòa giải từ ngày 26/11/2020 đến nay gần 1,5 tháng nhưng anh K và chị T cũng không gặp nhau để thương lượng hàn gắn hạnh phúc gia đình, hiện chị T đã đi nơi khác sống, cắt đứt mọi liên lạc với anh K, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng và mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra. Tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị cương quyết yêu cầu ly hôn với anh K, từ đó cho thấy khả năng đoàn tụ vợ chồng của anh chị là không có kết quả. Từ nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy chị T và anh K chung sống có 01 người con tên Trương Phương Đăng K, sinh ngày 08/10/2017, anh chị đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy từ khi được sinh ra Đăng K do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đến tháng 10/2020 chị T và anh K không còn sống chung thì chị T đem về bên ngoại nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt. Hiện tại Đăng K mới hơn 36 tháng tuổi nên cần sự ổn định về việc nuôi dưỡng để đảm bảo con chung của anh chị được phát triển về thể chất và tinh thần bình thường. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao Đăng K cho chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị T và anh K không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Buộc chị Phương Thị Mỹ T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phương Thị Mỹ T.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Phương Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trương Văn K.

- *Về nuôi con:* Chị Phương Thị Mỹ T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trương Phương Đăng K, sinh ngày 08/10/2017.

Anh Trương Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí:* Buộc chị Phương Thị Mỹ T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002689 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Đăng